| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN XUÂN TRƯỜNG**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:109/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2022
*V/v*: *Ly hôn giữa chị G và anh S*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phạm Ngọc Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Đình Phấn;

Ông Vũ Xuân Thùy,

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Văn Thành -Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị G, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trịnh Văn S, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn s tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2000. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Mặt khác anh S còn chửi bới đánh đập chị, chị đã nhẫn nhịn chịu đựng để giữ gì hạnh phúc gia đình nhưng anh Sỹ ngày càng quá đáng nên chị không thể chịu được nữa. Chị xác định vợ chồng

không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nguyện vọng của chị được xin ly hôn anh Trịnh Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trịnh Hoàng Quốc V, sinh ngày 5/10/2000 và Trịnh Thị Tố U, sinh ngày 4/8/2003; Hiện hai con đã khôn lớn trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời, lời khai quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trịnh Văn S trình bày*:

Chị G trình bày về việc kết hôn là đúng. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai con đến nay đã hơn 20 năm. Trong thời gian chung sống chị G đi xuất khẩu lao động ở Liên Xô được vài năm, sau đó chị Giang về và sau đó đi tiếp, anh vẫn liên lạc hỏi thăm tình cảm. Cuối năm 2021 chị G về nước vợ chồng chung sống hay xảy ra mâu thuẫn do tính tình lối sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống đồng thời từ đó đến nay vợ chồng ly thân, anh xác định vợ chồng chưa đến mức tan vỡ hạnh phúc gia đình anh không nhất trí ly hôn, anh mong muốn chị G suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ nhưng nay tại phiên tòa anh xác vợ chồng không còn tình, hạnh phúc tan vỡ chị G xin ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị G trình bày là đúng. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án không xem xét vì các con đã trưởng thành.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Kết quả thu thập chứng cứ tại UBND xã X*

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị G và anh Trịnh Văn S tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2000, số 3. Qua kiểm tra sổ hộ khẩu lưu tại xã X thì chị Giang và anh Scó hộ khẩu tại xã X. Sau khi chị G và anh S chung sống với nhau được thời gian thì chị Giang đi xuất khẩu lao động đi hai lần, sau đó chị G về nước vợ chồng chung sống hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Qua lời trình bày của đương sự cũng như căn cứ vào thực trạng hôn nhân của chị G và anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị G được ly hôn anh S.

* Về con chung: Chị G và anh S có 02 con chung tên là Trịnh Hoàng Quốc V, sinh ngày 5/10/2000 và Trịnh Thị Tố U, sinh ngày 4/8/2003. Hai con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp

* Về tài sản: Chị G và anh S có tài sản nhưng các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử , các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử công nhận thuận ly hôn giữa chị Phùng Thị G và anh Trịnh Văn S.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết là phù hợp. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị G và anh Trịnh Văn S kết hôn hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay chị G xin ly hôn anh S nhất trí. Xét thấy, mẫu thuẫn giữa anh chị G và anh S là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nay chị Giang xin ly hôn anh S nhất trí nên HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị G và anh S theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị G và anh Sỹ có 02 con chung tên tên là Trịnh Hoàng Quốc V, sinh ngày 5/10/2000 và Trịnh Thị Tố U, sinh ngày 4/8/2003. Hiện hai con đã trưởng thành chị Gi và anh S cùng đề nghị Tòa án không xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị G và anh S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phùng Thị G và anh Trịnh Văn S.

2. Về án phí: Chị Phùng Thị G phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002990 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Phùng Thị G đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã Xuân T: 01 bản;
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký)**

**Phạm Ngọc Long**